

Số: /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Công văn đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Gạch Ngói Quốc Toàn ngày 06 tháng 11 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 4052/TTr-CCBVMT ngày 13 tháng 11 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Gạch Ngói Quốc Toàn, địa chỉ trụ sở chính tại Thửa đất số 58, tờ bản đồ số 50, Khu phố Bình Chánh Đông, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất khung ghế nệm sofa; ghế nệm sofa; đồ gỗ gia dụng và in ấn bao bì carton” tại thửa đất số 594, tờ bản đồ số 14, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất khung ghế nệm sofa; ghế nệm sofa; đồ gỗ gia dụng và in ấn bao bì carton.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thửa đất số 594, tờ bản đồ số 14, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV: mã số doanh nghiệp 3700314906 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình

Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 4 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 6 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3700314906

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất đồ gỗ gia dụng; ghế nệm sofa; khung ghế nệm sofa; in ấn bao bì carton.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.6.1. Phạm vi: Tổng diện tích đất sử dụng của dự án là 15.529 m².

1.6.2. Quy mô:

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.7.3. Công suất:

- Công suất sản xuất:

+ Khung ghế nệm sofa bằng gỗ: 5.000 sản phẩm/năm.

+ Khung ghế nệm sofa bằng kim loại: 5.000 sản phẩm/năm.

+ Ghế nệm sofa: 20.000 sản phẩm/năm.

+ Đồ gỗ gia dụng (*bàn, ghế, giường, tủ*): 50.000 sản phẩm/năm.

+ In ấn bao bì carton: 100 tấn/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Khung ghế nệm sofa bằng gỗ: Nguyên liệu (*gỗ phôi*) => Cắt/cưa => Bào phẳng => Chà nhám => Khoan/lắp ráp => Thành phẩm.

+ Khung ghế nệm sofa bằng kim loại: Nguyên liệu (*thép*) => Định hình (*cắt, uốn, dập, khoan*) => Hàn => Mài nhẵn => Sơn => Thành phẩm.

+ Ghế nệm sofa:

(i) Vải, da PU => Cắt, may => Tẩm vải bọc + Mút xốp => Đệm ngồi, lưng tựa Sofa.

(ii) Khung kim loại/khung gỗ => Gắn lò xo => Gắn dây đai => Bọc vải, da PU vào khung => Lắp đệm ngồi lưng tựa ở mục (i) => Kiểm tra => Đóng gói.

+ Đồ gỗ gia dụng (*giường, tủ, bàn, ghế*): Nguyên liệu (*Gỗ phôi, ván các loại*) => Định hình (*Cưa, cắt, phay, khoan*) => Ghép gỗ => Chà nhám => Sơn => Kiểm tra, lắp ráp => Đóng gói thành phẩm.

+ In ấn bao bì carton: Tẩm carton 3-5 lớp => Cắt rãnh => In => Gấp => Đóng đinh => Thành phẩm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Gạch Ngói Quốc Toàn được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Gạch Ngói Quốc Toàn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án Nhà máy sản xuất

khung ghế nệm sofa; ghế nệm sofa; đồ gỗ gia dụng và in ấn bao bì carton tại thửa đất số 594, tờ bản đồ số 14, thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Gạch Ngói Quốc Toàn theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Gạch Ngói Quốc Toàn;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Bình;
- Cổng Thông tin điện tử;
- Thanh tra Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, V.Thanh5.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh tại phòng bảo vệ với lưu lượng khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh số 01 (WC1) tại khu vực bọc ghế sofa với lưu lượng khoảng $5,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh số 02 (WC2) tại khu vực in ấn bao bì với lưu lượng khoảng $6,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trực in với lưu lượng khoảng $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 05: Nước thải hấp thụ bụi sơn từ khu vực phun sơn với lưu lượng khoảng $5,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Đồng Chanh => Sông Bé.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Đồng Chanh thuộc thị trấn Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1237703$; $Y = 606971$ (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $18 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý (đạt Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$) => Ống uPVC D114 mm, dài 5m => Suối Đồng Chanh => Sông Bé.
- Hình thức xả: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động
1	Nhiệt độ	°C	40	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Lưu lượng	m ³ /ngày	18		
3	Độ màu	Pt/Co	54		
4	pH	-	6-9		
5	TSS	mg/L	54		
6	BOD ₅ (20°C)	mg/L	32,4		
7	COD	mg/L	81		
8	Amoni (tính theo N)	mg/L	5,4		
9	Tổng Nitơ	mg/L	21,6		
10	Tổng photpho (tính theo P)	mg/L	4,32		
11	Coliform	Vi khuẩn /100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh tại phòng bảo vệ => Ống nhựa uPVC D49mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh số 01 (WC1) tại khu vực bọc ghế sofa => Ống nhựa uPVC D49mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà vệ sinh số 02 (WC2) tại khu vực in ấn bao bì => Ống nhựa uPVC D49mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trực in => Ống nhựa

uPVC D49mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 05: Nước thải hấp thụ bụi sơn từ khu vực phun sơn => Ống nhựa uPVC D49mm => Công trình xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất (*phát sinh từ quá trình vệ sinh trực in; từ quá trình hấp thụ bụi sơn*) => Bể điều hòa 01 => Bể keo tụ => Bồn tạo bông => Bể lắng 01 => Bể trung gian 01 + Nước thải sinh hoạt (*sau xử lý bằng bể tự hoại*) => Bể điều hòa 02 => Bể xử lý sinh học thiếu khí (*Anoxic*) => Bể xử lý sinh học hiếu khí (*Aerotank*) => Bể lắng 02 => Bể trung gian 02 => Bể lọc áp lực => Bể khử trùng => Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 18 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất vật liệu sử dụng: Polymer, PAC, H₂SO₄, Chlorine.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí cán bộ được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành công trình xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố để vận hành, theo dõi, giám sát liên tục quá trình vận hành công trình xử lý nước thải và có nhật ký vận hành hệ thống nước thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải để kịp thời nhận biết các sự cố quá tải về lưu lượng.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong công trình xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc hoạt động ổn định.

- Có công tơ điện độc lập; các máy móc, thiết bị quan trọng được trang bị 01 bộ dự phòng cho công trình xử lý như máy bơm, máy thổi khí,... để không làm gián đoạn quá trình xử lý khi một thiết bị hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn. Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của công trình xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với công trình xử lý nước thải.

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong công trình xử lý thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các hạng mục công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình xử lý, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình xử lý.

- Báo ngay cho cơ quan nhà nước có chức năng các sự cố để được hỗ trợ và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó của đơn vị.

- Trong trường hợp công trình xử lý nước thải bị mất điện, ngay lập tức đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường và sử dụng máy phát điện dự phòng để khắc phục sự

cố đến khi có điện trở lại; bơm nước thải ngược về hệ thống để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của công trình xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Đối với sự cố hư hỏng thiết bị: Giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; tiến hành thay thế bằng thiết bị dự phòng như máy bơm dự phòng, bơm định lượng dự phòng.... Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành lại hệ thống xử lý đảm bảo không làm gián đoạn quá trình xử lý.

+ Đối với sự cố tắc, bể đường ống thu gom nước thải: Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; trường hợp xảy ra sự cố bể đường ống thu gom nước thải, tiến hành khóa van khu vực xảy ra sự cố, sau đó bơm nước thải về bể điều hòa. Tiến hành thay thế đường ống mới, thông tắc đường ống; sau khi khắc phục sự cố, nước thải được bơm về công trình xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

+ Đối với công trình xử lý nước thải bị sự cố cần thời gian khắc phục: Công ty phải giảm công suất sản xuất hoặc dừng sản xuất để hạn chế hoặc không làm phát sinh nước thải; đồng thời, nước thải phát sinh được thu gom sẽ được đưa về bể điều hòa (tổng thể tích $39,78 m^3$) để lưu chứa tạm thời, sau khi khắc phục xong sự cố nước thải sẽ tiếp tục được xử lý đạt quy chuẩn quy định, đảm bảo không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 01 tháng (từ tháng 11/2025 đến 12/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí

- Mẫu đầu vào của công trình xử lý nước thải (tại bể điều hòa 2), Tọa độ X(m) = 1237706, Y(m) = 606967 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

- Mẫu đầu ra sau công trình xử lý nước thải (sau bể khử trùng). Tọa độ X(m) = 1237702, Y(m) = 606963 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu (trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải):

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn hiệu chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử

lý nước thải).

- Loại mẫu: Mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể điều hòa 2 và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra sau bể khử trùng trong 03 ngày liên tiếp).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải theo đúng quy hoạch chung của cơ sở, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.3. Xây dựng điểm quan trắc nước thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 8 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/20223/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.7. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn bào, cưa, cắt, khoan, mộng.
- Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn chà nhám.
- Khí thải (*hơi dung môi*) phát sinh từ buồng phun sơn.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

T T	Nguồn khí thải	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ
1	Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn bào, cưa, cắt, khoan, mộng	Dòng khí thải số 01	Ống thải số 01 của công trình xử lý khí thải số 01	X = 1237776; Y = 606846
2	Bụi gỗ phát sinh từ công đoạn chà nhám	Dòng khí thải số 02	Ống thải số 02 của công trình xử lý khí thải số 02	X = 1237780; Y = 606870
3	Khí thải (<i>hơi dung môi</i>) phát sinh từ buồng phun sơn	Dòng khí thải số 03	Ống thải số 03 của công trình xử lý khí thải số 03	X = 1237757; Y = 606839

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 20.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 12.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 12.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (*cột B, K_p=1,0; K_v*

= 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với các chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Tên nguồn thải	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I Dòng khí thải số 01					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
II Dòng khí thải số 02					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
III Dòng khí thải số 03					
1	Bụi	mg/Nm ³	200	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại Khoản 2 Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Toluen	mg/Nm ³	750		
3	n-Butyl acetate	mg/Nm ³	950		
4	Xylen	mg/Nm ³	870		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về công trình xử lý:

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn cưa, cắt, bào, làm mộng, khoan được thu gom bằng 01 quạt hút (công suất 20.000 m³/giờ) qua các chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về công trình xử lý bụi.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn chà nhám được thu gom bằng 01 quạt hút (*công suất 12.000 m³/giờ*) qua các chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về công trình xử lý bụi.

- Nguồn số 03: Khí thải (*hơi dung môi*) phát sinh từ buồng phun sơn được thu gom bằng 01 quạt hút (*công suất 12.000 m³/giờ*) qua các chụp hút và ống dẫn bụi sau đó dẫn về công trình xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Công trình xử lý khí thải số 1:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn cưa, cắt, bào, làm mộng, khoan => Ống nhánh => Ống dẫn chính => Quạt hút => Cyclone => Ống thải (*D800mm, cao 12,5 m*).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi có hoạt động sản xuất.

- Công suất thiết kế: 20.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Công trình xử lý khí thải số 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi phát sinh công đoạn chà nhám => Ống nhánh => Ống dẫn chính => Quạt hút => Buồng lọc bụi túi vải => Ống thải (*D1000 mm, cao 12,5 m*).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi có hoạt động sản xuất.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.3. Công trình xử lý khí thải số 3

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*hơi dung môi*) phát sinh từ buồng phun sơn => Màng nước => Quạt hút => Ống dẫn => Thiết bị tách ẩm => Hấp phụ bằng than hoạt tính => Ống thải (*D750 mm, cao 19 m*).

- Chế độ vận hành: Liên tục khi có hoạt động sản xuất.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, nếu khí thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Công ty phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra; có nhật ký vận hành công trình xử lý khí thải ghi nhận các thông tin về lưu lượng, lượng điện tiêu thụ,... để kịp thời nhận biết các sự cố.

- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình để theo dõi sự ổn định của hệ thống.

Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của lò hơi và công trình xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc. Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc công trình xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong khí thải, thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo theo quy định.

- Trường hợp công trình xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục xong sự cố và có kết quả phân tích khí thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường sẽ hoạt động trở lại, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 01 tháng (*từ tháng 11/2025 đến 12/2025*).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại ống thải số 01 sau công trình xử lý khí thải số 01, tọa độ X = 1237776; Y = 606846.

- Tại ống thải số 02 sau công trình xử lý khí thải số 02, tọa độ X = 1237780; Y = 606870.

- Tại ống thải số 03 sau công trình xử lý khí thải số 03, tọa độ X = 1237757; Y = 606839.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung Mục 2.2.2 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý khí thải*).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu tại ống thải trước khi xả thải ra môi trường của công trình xử lý khí thải trong 03 ngày liên tiếp*).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.4. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực sản xuất đồ gỗ gia dụng
- Nguồn số 02: Khu vực sản xuất khung ghế nệm sofa bằng kim loại
- Nguồn số 03: Khu vực sản xuất ghế nệm sofa
- Nguồn số 04: Khu vực in ấn bao bì carton
- Nguồn số 05: Khu vực công trình xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm,...).
- Nguồn số 07: Khu vực công trình xử lý khí thải số 1
- Nguồn số 08: Khu vực công trình xử lý khí thải số 2
- Nguồn số 09: Khu vực công trình xử lý khí thải số 3
- Nguồn số 10: Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 1.500 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn số	Vị trí phát sinh tiếng ồn	Tọa độ	
		(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiều 3°)	
1	Khu vực sản xuất đồ gỗ gia dụng	X = 1237768	Y = 606863
2	Khu vực sản xuất khung ghế nệm sofa bằng kim loại	X = 1237760	Y = 606882
3	Khu vực sản xuất ghế nệm sofa	X = 1237739	Y = 606928
4	Khu vực in ấn bao bì carton	X = 1237711	Y = 606937
5	Khu vực công trình xử lý nước thải (từ máy thổi khí, quạt hút, máy bơm,...).	X = 1237722	Y = 606967
6	Khu vực công trình xử lý khí thải số 1	X = 1237776	Y = 606846
7	Khu vực công trình xử lý khí thải số 2	X = 1237780	Y = 606870

8	Khu vực công trình xử lý khí thải số 3	X = 1237757	Y = 606839
9	Khu vực máy phát điện dự phòng công suất 1.500 KVA.	X = 1237697	Y = 606815

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ(dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án để hạn chế tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy thổi khí, máy bơm đặt trong nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải lắp đặt gối lên các đệm cao su, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Cặn sơn thải	504	Bùn	08 01 02	KS
2	Keo thải	230	Lỏng	08 03 01	KS
3	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	4.030	Bùn	12 06 05	KS
4	Thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện thải có linh kiện điện tử; đèn led	60	Rắn	16 01 13	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang thải, thủy tinh hoạt tính thải	5	Rắn	16 01 06	NH
6	Dầu nhớt thải	17	Lỏng	17 02 04	NH
7	Bao bì bằng kim loại thải có dính thành phần nguy hại	100	Rắn	18 01 02	KS
8	Bao bì bằng nhựa thải có dính thành phần nguy hại	1.720	Rắn	18 01 03	KS
9	Giẻ lau, bao tay dính keo, sơn, dầu nhớt thải	1.200	Rắn	18 02 01	KS
10	Pin, ắc quy chì thải	15	Rắn	19 06 01	NH
11	Than hoạt tính thải	29.446	Rắn	19 12 03	KS
TỔNG KHỐI LƯỢNG		37.327			

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Vụn gỗ, dăm bào, ván vụn, bụi gỗ	09 01 03	673.300
2	Que hàn thải	07 04 01	50
3	Đá mài, đá cắt, giấy nhám thải	07 03 10	2.600
4	Thép vụn, vụn kim loại thải	07 03 13	115.000
5	Vải vụn, da vụn thải	10 02 10	4.000
6	Mút xốp vụn thải	18 02 02	3.000
7	Đồ ngũ kim thải	11 04 03	100
8	Vụn bìa carton	18 01 05	6.190
9	Bao bì đóng gói hư hỏng	18 01 05	300
10	Bùn từ bể tự hoại	12 06 13	20.697
Tổng			825.237

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khi Dự án đi vào hoạt động, chất thải rắn sinh hoạt bao gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (*bao nylon, vỏ lon, thủy tinh, giấy vụn,...*); chất thải thực phẩm (rau quả, thực phẩm thừa,...); chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý của 150 công nhân với khối lượng phát sinh khoảng 75 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị 03 thùng nhựa 1000 lít có khung thép bao (*chứa than hoạt tính thải*); 09 thùng nhựa 240 lít (*chứa các chất thải còn lại*), có nắp đậy dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 20m².
 - Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất

thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biên cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa; ...*) theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Trang bị các bao chứa bằng nylon, vải dung tích 500 – 1.000 kg và các thùng chứa dung tích 240 lít để chứa các chất loại chất thải công nghiệp phát sinh.

- Bùn thải từ công trình xử lý nước thải được lưu chứa tại bể chứa bùn thể tích 2m³ và được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 tháng/lần; bùn phát sinh từ bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn thông thường diện tích 80m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có nền bê tông chống thấm, tường bao xây gạch, mái che tôn, có cửa ra vào; phân riêng từng khu vực lưu chứa các loại chất thải và có dán nhãn phân biệt cho từng khu vực lưu chứa.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng rác loại 240 lít, có nắp đậy gồm: 01 thùng chứa màu xanh loại 240 lít chứa chất thải thực phẩm, 01 thùng chứa màu vàng loại 240 lít chứa chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý và 01 thùng chứa màu trắng loại 240 lít chứa các chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế, tái sử dụng.

2.3.2. Kho lưu chứa:

Sử dụng thùng chứa chuyên dụng dung tích 240 lít có nắp đậy để lưu trữ chất thải sinh hoạt. Các thùng này được đơn vị có chức năng đến thu gom hàng ngày.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*rác có khả năng tái sử dụng, tái chế; rác thải thực phẩm; các loại rác khác*), chất thải nguy hại, trang bị các bao bì, thùng chứa (*dán nhãn theo từng loại rác thải*) phù hợp để lưu giữ các loại chất thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy

định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Bình và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Bắc Tân Uyên theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Bình về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

- Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Bình nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STNMT ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
3. Khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu có công trình xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
4. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của Dự án.
5. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng, hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
6. Luôn thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường theo đúng quy định, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định.
9. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.
10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của

pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.